

**Phụ lục I**  
**SỐ ĐỐI TƯỢNG CẦN TIÊM VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ**  
**VẮC-XIN SỞI/CÓ CHỨA THÀNH PHẦN SỞI**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /4/2025 của UBND tỉnh)*

| T<br>T           | Địa phương       | Đối tượng                 |                                                     |                                                                     | Dự kiến phân bổ vắc-xin   |                                                     |                                                                     | Dự kiến<br>phân bổ<br>Bơm<br>kim<br>tiêm<br>1ml |
|------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|                  |                  | Trẻ đủ<br>6 tháng<br>tuổi | Trẻ từ<br>6 tháng<br>đến<br>dưới 9<br>tháng<br>tuổi | Trẻ từ<br>11 tuổi<br>đến 15<br>tuổi tại<br>vùng<br>nguy cơ<br>cao** | Trẻ đủ<br>6 tháng<br>tuổi | Trẻ từ<br>6 tháng<br>đến<br>dưới 9<br>tháng<br>tuổi | Trẻ từ<br>11 tuổi<br>đến 15<br>tuổi tại<br>vùng<br>nguy cơ<br>cao** |                                                 |
| 1                | TP Buôn Ma Thuột | 284                       | 152                                                 | 4.777                                                               | 300                       | 150                                                 | 1.000                                                               | 1.500                                           |
| 2                | H. Lắk           | 133                       | 10                                                  | 5.478                                                               | 130                       | 10                                                  | 1.140                                                               | 1.310                                           |
| 3                | H. Krông Bông    | 155                       | 105                                                 | 3.732                                                               | 160                       | 110                                                 | 780                                                                 | 1.100                                           |
| 4                | H. Krông Búk     | 69                        | 65                                                  | 1.735                                                               | 70                        | 70                                                  | 360                                                                 | 560                                             |
| 5                | H. Ea H'leo      | 155                       | 82                                                  | 4.686                                                               | 160                       | 90                                                  | 980                                                                 | 1.280                                           |
| 6                | H. Krông Pắc     | 224                       | 155                                                 | 2.386                                                               | 230                       | 160                                                 | 500                                                                 | 940                                             |
| 7                | H. Krông Ana     | 144                       | 26                                                  | 1.658                                                               | 150                       | 30                                                  | 340                                                                 | 610                                             |
| 8                | H. Cư M'gar      | 289                       | 65                                                  | 1.251                                                               | 300                       | 70                                                  | 260                                                                 | 710                                             |
| 9                | H. Ea Súp        | 121                       | 29                                                  | 5.259                                                               | 120                       | 30                                                  | 1.100                                                               | 1.280                                           |
| 10               | H. M'Drăk        | 103                       | 111                                                 | 1.389                                                               | 100                       | 120                                                 | 290                                                                 | 550                                             |
| 11               | H. Krông Năng    | 156                       | 45                                                  | 3.590                                                               | 160                       | 50                                                  | 750                                                                 | 1.040                                           |
| 12               | H. Ea Kar        | 111                       | 79                                                  | 6.279                                                               | 110                       | 80                                                  | 1.310                                                               | 1.510                                           |
| 13               | H. Buôn Đôn      | 85                        | 34                                                  | 3.700                                                               | 90                        | 40                                                  | 770                                                                 | 950                                             |
| 14               | H. Cư Kuin       | 112                       | 56                                                  | 2.939                                                               | 110                       | 60                                                  | 610                                                                 | 890                                             |
| 15               | TX Buôn Hồ       | 105                       | 123                                                 | 1.019                                                               | 110                       | 130                                                 | 210                                                                 | 570                                             |
| <b>Tổng cộng</b> |                  | <b>2.246</b>              | <b>1.137</b>                                        | <b>49.878</b>                                                       | <b>2.300</b>              | <b>1.200</b>                                        | <b>10.400</b>                                                       | <b>14.800</b>                                   |

**Ghi chú:**

- Nhóm trẻ từ đủ 6 tháng đến dưới 9 tháng tuổi sẽ được cung ứng đủ số lượng vắc-xin theo nhu cầu của đơn vị.
- Nhóm trẻ từ 11 tuổi đến 15 tuổi tại vùng nguy cơ cao trên địa bàn toàn tỉnh sẽ được phân bổ theo số lượng vắc-xin từng đợt do Trung ương cung ứng.